

PHIẾU HỌC TẬP

CÁC BƯỚC ĐỊNH DẠNG MÀU CHỮ, CỖ CHỮ, PHÔNG CHỮ, KIỂU CHỮ

Sử dụng cách kéo thả nội dung từ các cụm từ cho trước để hoàn chỉnh các bước định dạng màu chữ, cỡ chữ, phông chữ, kiểu chữ:

Cho các cụm từ sau đây:

Bước 2: Chọn lệnh định dạng cho chữ trên trang chiếu

Bước 1: Kéo thả chuột để chọn khối văn bản cần định dạng

Phông chữ

Kích thước chữ

Kiểu chữ

In đậm

In nghiêng

Gạch chân

Màu chữ

Các bước định dạng màu chữ, cỡ chữ, phông chữ, kiểu chữ:

Bước 1:

Bước 2:

The diagram shows a font formatting toolbar with various options. Labels with arrows point to specific elements:

- Corbel (Body)**: Points to the font name dropdown.
- 22**: Points to the font size dropdown.
- B**: Points to the Bold button.
- I**: Points to the Italic button.
- U**: Points to the Underline button.
- S**: Points to the Strikethrough button.
- ab**: Points to the Bullets and Numbering button.
- AV**: Points to the Text Color button.
- Aa**: Points to the Font Style (Uppercase/Lowercase) button.
- A**: Points to the Background Color button.

Below the toolbar, there are three empty boxes for labels: , , and .